BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 03

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cửa Đạt, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 22 – 23/03/2024 ***Ngày cung cấp TT:*** 24/03/2024

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	3	TL. cầu máng Phùng Giáo (Sông Âm)	Cống mở.
2	4	TL. cống điều tiết Kiên Thọ	Cống mở.
3	5	TL. Cụm đầu mối đập Bái Thượng	Cống mở.
4	6	TL. Cống xả Mục Sơn	Cống mở.
5	7	TL. đập điều tiết Bàn Thạch	Cống mở.
6	8	TL. đập điều tiết Bột Thượng	Cống mở.
7	9	TL. xi phông Bình Trị	Cống mở.
8	10	TL. đập điều tiết Phong Lạc	Cống mở.
9	11	TL. đập điều tiết Quy Xá	Cống mở.
10	12	TL. đập điều tiết Lộc Giang	Cống mở.
11	13	TL. Xiphông Mật Sơn	Cống mở.
12	14	TL. đập điều tiết Chợ Nhàng	Cống mở.
13	15	TL. đập điều tiết Quảng Minh	Cống mở.
14	16	TL. đập điều tiết Đại Lý	Cống mở.

Scanned with CamScanner

15	17	TL. đập điều tiết Đồng Lạc	Cống mở.
16	19	TL. cống điều tiết Phúc Như	Cống mở.
17	20	TL. xiphông Đô Xá	Cống mở.
18	21	TL. đập điều tiết Phương Khê	Cống mở.
19	22	TL. đập điều tiết Cổ Định	Cống đóng.
20	23	TL. Xi phông Nhuyễn Thôn	Cống mở.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 23 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV Sông Chu, Ban Quản lý và ĐTXD Thủy lợi 3, Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa.

Scanned with CamScanner

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: *QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:*

A -- Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Thượng lưu hồ Cửa Đạt, Vị trí nuôi cá lồng, TL. cầu máng Phùng Giáo (Sông Âm), TL. cống điều tiết Kiên Thọ, TL. Cụm đầu mối đập Bái Thượng, Cống xả Mục Sơn, TL. đập điều tiết Bàn Thạch, TL. đập điều tiết Bột Thượng, TL. xi phông Bình Trị, TL. đập điều tiết Phong Lạc, TL. đập điều tiết Quy Xá, TL. đập điều tiết Lộc Giang, TL. Xiphông Mật Sơn, TL. đập điều tiết Chợ Nhàng, TL. đập điều tiết Quảng Minh, TL. đập điều tiết Đồng Lạc, TL. xiphông sông Lý, TL. cống điều tiết Phúc Như, TL. Xi phông Đô Xá, TL. đập điều tiết Phương Khê, TL. đập điều tiết Cổ Định, TL. Xi phông Nhuyễn Thôn.**

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Các vị trí đạt giới hạn trên, TL. đập điều tiết Đại Lý.**

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: **Các vị trí đạt giới hạn trên.**

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên.**

Scanned with CamScanner

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
1	Thượng lưu hồ Cửa Đạt	Đánh giá chất lượng nước hồ Cửa Đạt trước khi đưa về hạ lưu sông Chu tới Bái Thượng.	Trời nắng, nhiệt độ = 26°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 50%, gió ĐN 11 km/h. Không có dòng chảy. Nước qua thủy điện Cửa Đạt về hạ lưu sông Chu. Nước màu xanh trong.	7.30	16.2	6.95	0.1	0.093	0.137	79	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
2	Vị trí nuôi cá lồng	Đánh giá chất lượng nước hồ Cửa Đạt tại vị trí nuôi cá lồng.	Trời nắng, nhiệt độ = 26°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 50%, gió ĐN 11 km/h. Không có dòng	7.35	19.5	6.90	0.1	0.194	0.196	92	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
			chảy. Nước màu xanh, mùi tanh.								
3	TL. cầu máng Phùng Giáo (Sông Âm)	Đánh giá CLN thượng lưu kênh Bắc Sông Chu – Nam Sông Mã sau khi lấy nước qua thủy điện Dốc Cáy.	Trời nắng, nhiệt độ = 26°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 60%, gió ĐN 13 km/h. Dòng chảy nhanh, cống mở, mực nước cao. Nước màu xanh trong.	7.01	10.8	7.59	0.1	0.155	0.200	82	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
4	TL. cống điều tiết Kiên Thọ	Đánh giá chất lượng nước trên kênh Bắc Sông Chu – Nam Sông Mã trước khi phân	Trời nắng, nhiệt độ = 26°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 62%, gió ĐN 13 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở, mực nước cao.	7.10	12.1	7.50	0.1	0.179	0.164	85	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
		thành 2 nhánh kênh Nam và kênh Bắc tưới cho vùng Bắc Sông Chu – Nam Sông Mã.	Nước màu xanh trong.								
5	TL. Cụm đầu mối đập Bái Thượng	Đánh giá CLN sông Chu trước khi lấy nước vào hệ thống Bái Thượng.	Trời nắng, nhiệt độ = 26°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 55%, gió ĐN 11km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh trong.	7.18	21.3	6.85	0.1	0.140	0.126	84	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
6	Cống xả Mục Sơn	Đánh giá CLN kênh chính sau	Trời nắng, nhiệt độ = 26°C, độ ẩm 70%, mật độ mây	7.25	15.1	7.20	0.1	0.179	0.146	60	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
		khi từ Bái Thượng về chảy qua khu vực Bái Thượng và TT Mục Sơn để xả về tưới cho vùng đồng bằng bên hữu kênh chính.	60%, gió Đông Nam 13 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh trong.								pH, DO đạt mức A.
7	TL. đập điều tiết Bàn Thạch	Đánh giá CLN hạ lưu kênh chính khi đã chảy qua các khu dân cư sinh sống xung quanh và trước khi	Trời mát, nhiệt độ = 20°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 47%, gió TB 3 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh.	7.15	25.0	7.08	0.1	0.233	0.351	82	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
		kênh chính phân thành kênh chính Nam và kênh chính Bắc.									
8	TL. đập điều tiết Bột Thượng	Đánh giá CLN thượng lưu kênh tưới C6.	Trời mát, nhiệt độ = 20°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 45%, gió TB 3 km/h. Dong chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh trong.	7.53	23.0	6.83	0.1	0.186	0.342	87	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
9	TL. xi phông Bình Trị	Đánh giá CLN hạ lưu kênh tưới C6.	Trời nắng, nhiệt độ = 25°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 56%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy trung	7.62	12.7	7.25	0.1	0.233	0.158	101	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
			bình, cống mở. Nước màu xanh.								
10	TL. đập điều tiết Phong Lạc	Đánh giá CLN thượng lưu kênh chính Bắc.	Trời mát, nhiệt độ = 21°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 50%, gió TB 3 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở. Nước màu xanh.	7.07	17.3	6.97	0.1	0.256	0.326	77	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
11	TL. đập điều tiết Quy Xá	Đánh giá CLN đoạn trung lưu kênh chính Bắc trước khi kênh chính Bắc chảy qua huyện Đông Sơn và thành phố	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 22°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 85%, gió TB 2 km/h. Dòng chảy nhanh, mực nước cao, cống mở. Nước màu xanh.	7.48	23.6	7.00	0.1	0.225	0.272	83	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
		Thanh Hóa.									
12	TL. đập điều tiết Lộc Giang	Đánh giá CLN kênh chính Bắc tại khu vực dân cư phát triển như thị trấn Nhồi huyện Đông Sơn trước khi kênh chính Bắc chảy vào thành phố Thanh Hóa.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 23°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 85%, gió Nam 6 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở, mực nước cao. Nước màu xanh, nhiều rác thải trôi trên kênh.	7.10	20.5	7.20	0.1	0.287	0.248	85	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
13	TL. Xiphông Mật Sơn	Đánh giá CLN kênh chính Bắc tại thành phố Thanh Hóa và	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 23°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 82%, gió Nam 6 km/h. Dòng chảy trung	6.98	21.3	6.78	0.1	0.350	0.317	87	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
		đánh giá CLN đầu vào cấp nước cho NMN Mật Sơn.	bình, cống mở. Nước màu xanh.								
14	TL. đập điều tiết Chợ Nhàng	Đánh giá CLN kênh chính Bắc sau khi chảy qua thành phố Thanh Hóa.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 25°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 85%, gió Nam 11 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở, có rác dồn lại ở thượng lưu cống. Nước màu xanh.	7.35	20.2	6.45	0.1	0.396	0.365	90	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
15	TL. đập điều tiết Quảng Minh	Đánh giá CLN hạ lưu kênh chính Bắc.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 24°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 85%, gió Nam 11 km/h.	7.01	20.8	6.30	0.1	0.505	0.326	91	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
			Dòng chảy trung bình, cống mở. Nhiều rác dồn lại ở thượng lưu cống. Nước màu xanh.								mức A.
16	TL. đập điều tiết Đại Lý	Đánh giá CLN kênh tưới B9 là nhánh của kênh Bắc.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 23°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 82%, gió Nam 6 km/h. Dòng chảy chậm cống mở, mực nước thấp. Có nhiều rác thải dưới kênh. Nước màu xanh.	7.15	22.4	5.87	0.1	0.552	0.281	105	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
17	TL. đập điều tiết Đồng Lạc	Đánh giá CLN kênh tưới B10 là nhánh của kênh Bắc.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 22°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 80%, gió TB 2 km/h.	7.32	17.5	6.81	0.1	0.311	0.297	95	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
			Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh.								mức A.
18	TL. xiphông sông Lý	Đánh giá CLN kênh tưới B22 là nhánh của kênh Bắc.	Trời nắng, nhiệt độ = 23°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 60%, gió ĐN 8 km/h. Dòng chảy chậm, mực nước thấp, cống mở. Dưới kênh nhiều rác. Nước màu xanh.	8.05	19.4	7.43	0.1	0.303	0.223	99	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
19	TL. cống điều tiết Phúc Như	Đánh giá CLN thượng lưu kênh chính Nam.	Trời mát, nhiệt độ = 21°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 50%, gió TB 3 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở,	7,12	15,1	7,01	0,1	0.241	0.281	82	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
			mực nước cao. Nước màu xanh.								
20	TL. Xi phông Đô Xá	Đánh giá CLN kênh chính Nam trước khi đi qua xi phông Đô Xá.	Trời mát, nhiệt độ = 26°C, độ ẩm 92%, mật độ mây 50%, gió Tây 3 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở, mực nước cao. Nước màu xanh.	6.46	18.0	6.72	0.1	0.272	0.338	80	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
21	TL. đập điều tiết Phương Khê	Đánh giá CLN kênh chính Nam trước khi qua điều tiết Phương Khê.	Trời nắng, nhiệt độ = 24°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 61%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở, mực nước cao. Nước màu xanh, nhiều cỏ nước trôi	7.45	27.4	7.41	0.1	0.272	0.191	87	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
			trên kênh.								
22	TL. đập điều tiết Cổ Định	Đánh giá CLN hạ lưu kênh chính Nam	Trời nắng, nhiệt độ = 24°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 60%, gió ĐN 8 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Thượng lưu cống nhiều rác. Nước màu xanh.	7,35	16,6	7,10	0,1	0.326	0.171	93	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
23	TL. Xi phông Nhuyễn Thôn	Đánh giá CLN kênh tưới N8 là nhánh của kênh Nam.	Trời nắng, nhiệt độ = 24°C, độ ẩm 66%, mật độ mây 60%, gió Đông Nam 8 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở, mực nước cao. Nước màu xanh.	7.89	21.2	6.50	0.1	0.350	0.180	103	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Scanned with CamScanner

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV Sông Chu;
- Ban Quản lý và ĐTXD Thủy lợi 3;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2024

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn

Scanned with CamScanner